

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN LẮK Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 02 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn, giải quyết nuôi
con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK - TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phụng Ayun.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Thủy.
2. Ông Trần Xuân Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bách; Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc tham gia phiên tòa:

Ông Y Ker BKông - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 89/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, giải quyết nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX-ST ngày 06 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua đơn khởi kiện ngày 13/8/2019, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa

nguyên đơn chị Mai Thị T trình bày: Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn T1 đã lấy nhau dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23/7/2002. Sau khi kết hôn, quá trình vợ chồng sống chung với nhau chỉ được hạnh phúc khoảng một thời gian đầu; đến khi sinh con đầu lòng là cháu Nguyễn Văn T2, sinh ngày 26/12/2002 thì vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, nhất là anh T1 không chịu đi lao động lo làm ăn xây dựng kinh tế gia đình mà thường xuyên hay đi theo bạn bè rủ rê tụ tập, chơi bời, ăn nhậu và có quan hệ trai gái ngoại tình ở bên ngoài; mặc dù chị T và cả hai bên gia đình nội, ngoại đã nhiều lần nhắc nhở, khuyên can nhưng anh T1 vẫn tính nết đó không thay đổi, không quan tâm chăm sóc đến gia đình, vợ con mà chỉ một mình chị T lo toan đến cuộc sống gia đình, từ đó vợ chồng xảy ra phát sinh mâu thuẫn. Thời gian gần đây nhất trong năm 2019 vừa qua, vợ chồng đã xảy ra phát sinh mâu thuẫn cãi vã xích mích nhau, nguyên nhân cũng xuất phát do vợ chồng làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần tiền bạc chồng chất, anh T1 thì không có trách nhiệm đối với số tiền nợ đi vay mượn người khác để làm ăn hoặc chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, mà chỉ một mình chị T lo làm ăn kiếm tiền để nuôi sống gia đình và trả nợ. Đến ngày 05/5/2019 vợ chồng lại xảy ra phát sinh mâu thuẫn quá lớn, anh T1 có hành vi đập phá đồ đạc tài sản trong nhà và có đánh chị T, đến ngày hôm sau thì chị T đi làm khoai lang cùng với em gái ở huyện E, tỉnh Đắk Lắk, từ đó vợ chồng đã sống ly thân với nhau cho đến nay, không còn sống chung với nhau nữa. Tại thời điểm này giữa chị T và anh T1 không có liên lạc gì với nhau nữa, mỗi người sống ở mỗi nơi. Mặc dù, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nội ngoại khuyên nhủ, hòa giải nhưng không có kết quả; vì vậy, chị Mai Thị T xét thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn nữa, sống chung với nhau không có hạnh phúc nên chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1 để giải phóng cho hai người được tự do và yên tâm làm ăn sinh sống để nuôi dưỡng, chăm sóc con cái trưởng thành.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Hoàn toàn nhất trí với ý kiến của chị Mai Thị T đã trình bày trên đây về quan hệ hôn nhân. Sau khi kết hôn trong cuộc sống gia đình, việc vợ chồng xảy ra phát sinh mâu thuẫn cãi vã, xích mích nhau thì điều đó không thể tránh khỏi được, anh T1 vẫn thừa nhận là mình không chịu khó đi lao động lo làm việc đến nơi đến chốn, đôi khi hay nghe theo bạn bè rủ rê đi chơi bời ăn nhậu, yêu đương với các cô gái khác ở bên ngoài, ít khi quan tâm đến gia đình, vợ con, đó là thời gian trở về trước. Đến khoảng năm 2013 anh T1 đã thay đổi tính tình không còn nghe theo bạn bè rủ rê đi chơi bời, ăn nhậu nữa mà tu chí đi lao động lo làm ăn để nuôi dưỡng con cái, luôn quan tâm chăm sóc đến vợ con, lo cho cuộc sống gia đình.

Tuy nhiên, trong cuộc sống thường ngày nhiều lúc do thói quen khi có tức giận thì có chửi bới vợ con vài lần rồi thôi. Đến ngày 05/5/2019, anh T1 thừa nhận là vợ chồng có xảy ra phát sinh mâu thuẫn cãi vã, xích mích nhau và anh T1 có đánh chị T vài cái, sau đó chị T đã bỏ về nhà em gái ngủ. Đến ngày hôm sau thì chị T đi làm khoai lang cùng với em gái ở huyện E, tỉnh Đắk Lắk, giữa anh T1 và chị T không có liên lạc gì với nhau nữa và chị T cũng không trở về nhà với chồng con, hai vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, thỉnh thoảng mỗi lần chị T về nhà chỉ đi thăm các con thôi nhưng không có ở trong nhà với chồng con mà sang nhà bố mẹ ruột hoặc nhà em gái ngủ. Theo anh T1, mặc dù hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau gần một năm nay, nhưng anh T1 xét thấy thực tế tình cảm của hai vợ chồng thực sự vẫn còn, anh T1 vẫn yêu thương vợ con, luôn quan tâm chăm sóc cho cuộc sống gia đình; mâu thuẫn vợ chồng cũng chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn theo như chị T đã trình bày, anh T1 mong muốn được vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng nhau trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cái trưởng thành và anh T1 không đồng ý ly hôn với chị Mai Thị T; ngoài ra anh T1 không có ý kiến gì khác.

Căn cứ biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân và gia đình của chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn T1 ngày 08/10/2019 và ngày 31/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, ông Trần Văn L - Thôn Trưởng thôn M, xã B, huyện L cho biết: Vợ chồng chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn T1 lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2002. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại thôn M, xã B, huyện L từ đó đến nay; từ khi hai vợ chồng kết hôn và sống chung với nhau tại địa phương cho đến nay gia đình chị T và anh T1 vẫn sinh hoạt bình thường, không có chuyện gì xảy ra bất thường, ông L chưa nghe thông tin gì phản ánh liên quan đến việc xảy ra phát sinh mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh T1 lần nào cả, hơn nữa chị T và anh T1 cũng không thấy báo cáo chính quyền thôn để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Đến khoảng tháng 7/2018, thì vợ chồng chị T và anh T1 đi vào Sài Gòn làm công nhân, nhưng làm được khoảng 02 đến 03 tháng gì đó thì thấy anh T1 về nhà làm ruộng; còn chị T tiếp tục ở lại Sài Gòn làm công nhân; thỉnh thoảng chị T có về nhà thăm các con nhưng không có ở trong nhà với chồng con mà lại sang nhà bố mẹ ruột hoặc nhà em gái mình để ngủ; sau đó tiếp tục xuống Sài Gòn đi làm công nhân tiếp. Đến khoảng 04 tháng trở lại đây thấy chị T nghỉ làm công nhân, nhưng cũng không trở về nhà mà cùng em gái đi làm khoai lang ở huyện E, thỉnh thoảng mới về nhà thăm con cái vài lần, rồi đến tối sang nhà em gái ngủ. Đến tháng 10/2019 thì thấy chị T ít khi sinh sống ở tại địa phương mà nghe thông tin chị T cùng em gái đi làm khoai lang tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk không trở về nhà; thỉnh thoảng mỗi lần chị T về nhà chỉ về thăm con cái.

Còn việc xảy ra phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng của gia đình chị T và anh T1, thì chị T, anh T1 không thấy báo cáo chính quyền thôn để hòa giải nên ông L là thôn Trưởng thôn M, xã B, huyện L hoàn toàn không biết.

Về con chung: Vợ chồng chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn T đã có với nhau 02 đứa con chung tên là Nguyễn Văn T2, sinh ngày 26/12/2002 và Nguyễn Thị Thanh T3, sinh ngày 17/11/2005. Quá trình giải quyết vụ án, chị T muốn được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng 02 đứa cháu T2 và cháu T3 và yêu cầu anh T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cho 02 cháu theo hàng tháng với mức là 300.000 đồng/tháng/1 cháu, tức là 600.000 đồng/tháng/2 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Sau đó, hai bên lại thỏa thuận, sau khi ly hôn mỗi người sẽ trực tiếp nuôi dưỡng một đứa con chung cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành, hơn nữa cũng phải tôn trọng theo ý kiến của các cháu Nguyễn Văn T2 và cháu Nguyễn Thị Thanh T3; tức cháu Nguyễn Văn T2 thích sống với anh Nguyễn Văn T1 và cháu Nguyễn Thị Thanh T3 thích sống với chị Mai Thị T. Vì vậy, chị Mai Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thanh T3, sinh ngày 17/11/2005 cho đến khi cháu T3 đủ tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Văn T1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Văn T2, sinh ngày 26/12/2002 cho đến khi cháu T2 đủ tuổi trưởng thành. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, hai bên không có yêu cầu bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù đã được Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa, đã giải thích, động viên, để các bên quay về đoàn tụ với nhau và phân tích hệ quả pháp lý của việc hòa giải đoàn tụ thành nhưng các bên vẫn không thống nhất quay về đoàn tụ được.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu của mình cũng như đã khai trong bản tự khai, trong biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự không có xuất trình chứng cứ mới hoặc phát sinh những tình tiết mới của vụ án tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Thẩm phán đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 144, 147, 220, Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều

18, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị T. Chị Mai Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh T3, sinh ngày 17/11/2005 cho chị Mai Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T3 đủ tuổi trưởng thành. Giao cháu Nguyễn Văn T2, sinh ngày 26/12/2002 cho anh Nguyễn Văn T1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T2 đủ tuổi trưởng thành. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa hai bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mai Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Tâm đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Anh Nguyễn Văn T1 không phải chịu tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Mai Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp “Ly hôn, giải quyết nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con” với anh Nguyễn Văn T1. Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 có nơi cư trú tại huyện L; do đó, Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp của vụ án là: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn T1 đã lấy nhau dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23/7/2002; vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn T1 là hợp pháp, được pháp luật Nhà nước ta công nhận. Sau khi kết hôn, quá trình sống chung với nhau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra

hiều mâu thuẫn quá lớn, xích mích, cãi vã nhau, bất đồng về quan điểm sống, nguyên nhân từ khi bắt đầu chị T sinh con đầu lòng là cháu Nguyễn Văn T2, sinh ngày 26/12/2002, thì anh T1 không quan tâm chăm sóc đến gia đình, vợ con, không chịu đi lao động lo làm ăn xây dựng kinh tế gia đình mà thường xuyên hay đi nghe theo bạn bè rủ rê, tụ tập, chơi bời, ăn nhậu hoặc có quan hệ trai gái với người khác ở bên ngoài; mặc dù chị T và cả hai bên gia đình nội, ngoại đã nhiều lần nhắc nhở, khuyên can, hòa giải nhưng anh T1 vẫn tính nết nào tật đó không thay đổi, từ đó vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn. Đến ngày 05/5/2019 vợ chồng lại xảy ra phát sinh mâu thuẫn quá lớn, anh T1 có hành vi đập phá đồ đạc tài sản trong nhà và có đánh chị T vài cái, sau đó chị T sang nhà em gái ngủ; đến ngày hôm sau thì chị T đi làm khoai lang cùng với em gái ở huyện E, tỉnh Đắk Lắk, từ đó vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau nữa và đã sống ly thân cho đến nay. Nếu có về đoàn tụ vợ chồng sống chung với nhau cũng khó có khả năng hạnh phúc lâu dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T1 là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét việc anh Nguyễn Văn T1 cho rằng, hiện nay anh vẫn còn tình cảm yêu thương vợ con, luôn quan tâm chăm sóc cho cuộc sống gia đình, mâu thuẫn vợ chồng cũng chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn, mong muốn được vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng nhau trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cái trưởng thành nên anh T1 không đồng ý ly hôn với chị Mai Thị T là không có cơ sở. Bởi vì, trong khi đó thực tế xét về tình cảm giữa anh T1 và chị T thực sự không còn nữa, hai vợ chồng đã sống ly thân với thời gian quá lâu từ tháng 5/2019 cho đến nay, mỗi người sống ở mỗi nơi, mạnh ai nấy lo cho cuộc sống riêng mình; do đó, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn, không có biện pháp thích hợp để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị T. Chị Mai Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1 là phù hợp.

[4] Qua xác minh thực tế ngày ngày 08/10/2019 và ngày 31/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, ông Trần Văn L - Thôn Trưởng thôn M, xã B, huyện L đã cung cấp thông tin về tình trạng hôn nhân và gia đình của chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn T1 là hoàn toàn phù hợp với lời khai của chị T và anh T1 đã trình bày.

[5] Về con chung: Vợ chồng chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn T1 đã có với nhau 02 đứa con chung tên là Nguyễn Văn T2, sinh ngày 26/12/2002 và Nguyễn

Thị Thanh T3, sinh ngày 17/11/2005. Xét quá trình giải quyết vụ án, chị T muốn được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng 02 đứa cháu T2 và cháu T3 và yêu cầu anh T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cho 02 cháu theo hàng tháng với mức là 300.000 đồng/tháng/1 cháu, tức là 600.000 đồng/tháng/2 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Sau đó, hai bên lại thỏa thuận, sau khi ly hôn mỗi người sẽ trực tiếp nuôi dưỡng một đứa con chung cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành, hơn nữa cũng phải tôn trọng theo ý kiến của các cháu Nguyễn Văn T2 và cháu Nguyễn Thị Thanh T3; tức cháu Nguyễn Văn T2 thích sống với anh Nguyễn Văn T1 và cháu Nguyễn Thị Thanh T3 thích sống với chị Mai Thị T. Do đó, chị Mai Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thanh T3, sinh ngày 17/11/2005 cho đến tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Văn T1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Văn T2, sinh ngày 26/12/2002 cho đến tuổi trưởng thành. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa hai bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Các bên được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một trong hai bên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, hai bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[7] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L về việc tuân theo pháp luật cũng như đề nghị hướng giải quyết vụ án tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Mai Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn T1 không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, Điều 211, 220, 235, điểm c khoản 2 Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng: Điều 18, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị T. Chị Mai Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh T3, sinh ngày 17/11/2005 cho chị Mai Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Nguyễn Văn T2, sinh ngày 26/12/2002 cho anh Nguyễn Văn T1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa hai bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Các bên được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một trong hai bên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mai Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Tâm đã nộp theo biên lai số AA/2017/0013599 ngày 06/9/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk. Anh Nguyễn Văn T không phải chịu tiền án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Y Phụng Ayun

